

Số: 542/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 03 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 827/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn”, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn T, sinh năm 1983

*Bị đơn:* Ông Võ BT, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Số F chung cư N đường B, khu phố 2, phường D, Quận 7, Thành phố HCM.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và những thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Nguyễn T, sinh năm 1983 với ông Võ BT, sinh năm 1982

[2]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T và ông Võ BT thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận ký kết hôn số 02, quyển số 01/2009 ngày 20/01/2009 của Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận 7, Thành phố HCM không còn giá trị pháp lý).

[2.2]. Về con chung: Có 01 (một) con chung, họ và tên: Võ NBT, giới tính: Nam, sinh ngày 31/8/2009.

Các đương sự thỏa thuận thống nhất: Ông Võ BT đồng ý giao trẻ Võ NBT cho bà Nguyễn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Võ BT đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng, thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 9/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông Võ BT có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Võ BT chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Võ BT phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận thì được hiện theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án: Bà Nguyễn T tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số AA/2018/0031952 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.7, Tp.HCM;
- C/c THADS Q.7, Tp.HCM;
- UBND P.TTĐ, Q.7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK.Trang).

**THẨM PHÁN**

**Trương Như Thủy**